

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

HOÀNG LAN PHƯƠNG

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI
CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG ĐIỀU KIỆN
HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế
Mã số: 9.31.01.10

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội - Năm 2024

**Công trình được hoàn thành tại
Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Thị Nguyệt

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2

.....

Phản biện 3:

.....

(Ghi rõ họ tên, chức danh khoa học, học vị)

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Viện họp
tại **Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương**

Vào hồigiờ ... ngày ... tháng... năm 2024

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

Thư viện Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Thư viện Quốc Gia, Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quản lý nhà nước (QLNN) về tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) là việc Nhà nước thực hiện quyền lực công để điều hành, điều chỉnh toàn bộ các hoạt động tài chính của hệ thống cơ sở GDĐH trên phạm vi lãnh thổ quốc gia nhằm thực hiện các mục tiêu về GDĐH. Ở Việt Nam, hệ thống cơ sở GDĐH công lập giữ vai trò nòng cốt trong việc đào tạo, cung cấp nguồn lực cho đất nước với số lượng cơ sở GDĐH công lập chiếm 72,7%, số lượng sinh viên tốt nghiệp chiếm 80,8% tổng lượng sinh viên tốt nghiệp của cả nước (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022). QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH công lập có vai trò quyết định đối với hiệu quả sử dụng nguồn lực quan trọng cho phát triển và hướng tới đạt mục tiêu GDĐH trong từng thời kỳ, đó là nguồn lực tài chính. Hơn nữa, QLNN về tài chính với các công cụ về đa dạng nguồn thu cho GDĐH, công cụ hỗ trợ về tài chính cho hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH), thu hút, bồi dưỡng nhân tài... sẽ góp phần tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa hệ thống các cơ sở GDĐH, thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực cho GDĐH.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế và đổi mới GD&ĐT được khẳng định trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI Về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo (GD&ĐT), đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, trong giai đoạn 2016 – 2021, Việt Nam đã thực hiện nhiều giải pháp quản lý nhà nước về tài chính như hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về quản lý tài chính đối với cơ sở GDĐH, thực hiện tự chủ và trách nhiệm xã hội đối với cơ sở GDĐH công lập, thực hiện chính sách hỗ trợ tài chính cho cán bộ, giảng viên tham gia học tập ở nước ngoài, khen thưởng đối với giảng viên tham gia viết báo quốc tế..... Chính vì vậy, các cơ sở GDĐH, đặc biệt là GDĐH công lập ở Việt Nam đã đạt được những

kết quả đáng ghi nhận: quy mô đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực cho GDĐH, chất lượng các công bố quốc tế không ngừng tăng lên và được quốc tế ghi nhận, đánh giá cao. Tính đến năm 2021, Việt Nam có 4 trường đại học nằm trong danh sách 1.000 trường đại học tốt nhất thế giới; 11 trường đại học nằm trong danh sách các trường đại học hàng đầu châu Á; nhiều ngành, lĩnh vực đào tạo đứng trong danh sách 500 ngành nghề, lĩnh vực đào tạo triển vọng nhất thế giới. Theo báo cáo năm 2021 của Ngân hàng thế giới (WB), về vốn nhân lực, chỉ số vốn nhân lực của Việt Nam đứng thứ 38/174 nền kinh tế; tiêu chí về kết quả GDĐH của Việt Nam đứng thứ 15, tương đương với các nước, như: Hà Lan, New Zealand, Thụy Điển... (Bộ GD&ĐT, 2022).

Mặc dù hoạt động QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH đã có những kết quả đáng ghi nhận, góp phần thúc đẩy GDĐH Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển kinh tế đất nước, tuy nhiên, hoạt động này cũng đã và đang bộc lộ những bất cập làm hạn chế chất lượng GDĐH: (1) trong thời gian vừa qua, các nghiên cứu về QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH chủ yếu tập trung vào cơ chế tự chủ tài chính của cơ sở GDĐH, các nghiên cứu tổng thể về QLNN với đầy đủ về nội dung và công cụ quản lý chưa được nhiều tác giả nghiên cứu, chính vì vậy, hệ thống các giải pháp tăng cường QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH được đề xuất chưa thực sự đảm bảo tính đồng bộ và hệ thống; (2) khung pháp lý về quản lý tài chính đối với cơ sở GDĐH mặc dù đã từng bước được hoàn thiện nhưng các quy định pháp luật về phân cấp quản lý đối với cơ sở GDĐH, đặc biệt là quản lý tài chính, đầu tư chưa thực sự hiệu quả và tạo sự chủ động, năng động cho cơ sở GDĐH (Vũ Thị Lan Anh, 2020), việc phân định giữa công tác quản trị tài chính của cơ sở GDĐH công lập và công tác quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở GDĐH chưa thật rõ ràng, các cơ sở GDĐH công lập còn lúng túng, chưa thực sự chủ động và hiệu quả trong việc thực hiện chế độ tự chủ tài chính; (3) các công cụ của chính sách tài chính và chính sách đầu tư đối với GDĐH chưa thực sự phát huy hiệu quả như kỳ vọng, hoạt động của các cơ sở GDĐH, đặc biệt là nghiên cứu khoa học vẫn phụ thuộc vào nguồn

NSNN, mặc dù được trao quyền tự chủ về tài chính nhưng các cơ sở GDĐH vẫn gặp nhiều khó khăn khi triển khai và nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính nói riêng và chất lượng đào tạo đại học nói riêng; (4) cơ chế quản lý tài chính, đặc biệt là cơ chế tự chủ tài chính chưa làm rõ trách nhiệm chia sẻ kinh phí đào tạo giữa Nhà nước, xã hội và người học, chưa đa dạng hóa nguồn thu của các cơ sở GDĐH công lập, dẫn tới hạn chế trong việc đầu tư cơ sở vật chất cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học, quản lý và sử dụng tài sản kém hiệu quả (Đặng Thành Dũng, 2022); (5) còn tồn tại hiện tượng khoản thu ngoài quy định đã dẫn đến thiếu công khai, minh bạch trong việc sử dụng nguồn thu của cơ sở GDĐH công lập...

Xuất phát từ thực tế trên, đề tài: ***“Quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam”*** được lựa chọn nghiên cứu đảm bảo tính cấp thiết và có ý nghĩa khoa học và thực tiễn nhằm tăng cường QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH công lập, nhóm cơ sở GDĐH đang quản lý và sử dụng phần lớn nguồn lực của quốc gia cho GDĐH và là bộ phận quan trọng trong hệ thống QLNN về GDĐH. Đề tài cũng góp phần giúp Nhà nước thực hiện tốt mục tiêu đổi mới căn bản toàn diện về giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

2. Những điểm mới của luận án

2.1. Về lý luận

Luận án tiếp cận QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH theo quan điểm hệ thống và từ góc độ quản lý nhà nước đối với nguồn lực quan trọng cho phát triển GDĐH với vai trò thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực cho giáo dục đại học, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và cơ sở vật chất cho GDĐH tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế. Từ cách tiếp cận này, Luận án đã làm rõ khái niệm, từ đó xác định nội dung của QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH bao gồm: (1) Xây dựng chiến lược phát triển GDĐH gắn với nguồn lực tài chính; (2) Xây dựng khuôn khổ pháp luật về tài chính GDĐH; (3) Huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho phát triển GDĐH; (4) Tổ

chức bộ máy QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH; (5) Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính trong cơ sở GDĐH. Ngoài ra, Luận án cũng đã đề xuất được các chỉ tiêu đánh giá kết quả QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH, bao gồm: mức độ đảm bảo nguồn lực tài chính cho GDĐH đáp ứng yêu cầu hội nhập; mức độ đảm bảo thực hiện chủ trương chính sách của Nhà nước đối với GDĐH; hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính cho GDĐH. Hệ thống chỉ tiêu này sẽ góp phần xây dựng phương pháp luận đánh giá thực trạng QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH và tạo cơ sở đề xuất những giải pháp tăng cường QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH.

2.2. Về thực tiễn

Luận án đã sử dụng phương pháp phân tích định tính và định lượng các nhân tố ảnh hưởng và kết quả thực hiện các nội dung của QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH để tìm ra những điểm mạnh cần phát huy và những điểm yếu cần khắc phục trong QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH. Kết quả phân tích được sử dụng làm căn cứ đề xuất hệ thống giải pháp tăng cường QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH, chính vì vậy, các giải pháp có tính khoa học, thực tiễn và khả thi cao. Các nhóm giải pháp được đề xuất trong Luận án mang tính hệ thống, tác động tới các nội dung của quá trình QLNN về tài chính đối với GDĐH: (1) Hoàn thiện chiến lược và khuôn khổ pháp luật về tài chính đối với cơ sở GDĐH; (2) huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính cho phát triển GDĐH; (3) tổ chức bộ máy QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH; (4) thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của cơ sở GDĐH. Các giải pháp này nếu được thực hiện sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính cho phát triển GDĐH, thúc đẩy các cơ sở GDĐH đầu tư cơ sở vật chất, phát triển nghiên cứu khoa học và nâng cao trình độ chuyên môn cho giảng dạy, tạo tiền đề cho thực hiện các hoạt động hợp tác, liên kết quốc tế trong GDĐH, từ đó góp phần thúc đẩy chất lượng GDĐH của Việt Nam tiệm cận với quốc tế.

3. Kết cấu nội dung của luận án

Ngoài Phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phần phụ lục, nội dung Luận án kết cấu thành 4 chương:

Chương 1. Tổng quan các công trình và hướng nghiên cứu của đề tài Luận án.

Chương 2. Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về qlnn về tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học.

Chương 3. Thực trạng quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam

Chương 4. Giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Chương 1 .

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Để rút ra khoảng trống nghiên cứu, Luận án tiến hành tổng quan theo các khía cạnh: (1) Tổng quan các công trình nghiên cứu về vai trò của QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH; (2) Tổng quan các công trình nghiên cứu tiếp cận từ chủ thể QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH; (3) Tổng quan các công trình nghiên cứu tiếp cận từ đối tượng của QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH; (4) Tổng quan các công trình nghiên cứu tiếp cận từ nội dung QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH. Từ kết quả tổng quan có thể xác định được những khoảng trống tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Về góc độ tiếp cận: QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH trong các nghiên cứu chủ yếu được tiếp cận theo từng nội dung cụ thể của hoạt động QLNN như cơ chế tự chủ tài chính, xây dựng khuôn khổ pháp luật về tài chính đối với cơ sở GDĐH, huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho phát triển cơ sở GDĐH... từ đó đề xuất những giải pháp tăng cường triển khai các quy định QLNN về tài chính tại các cơ sở GDĐH nhằm đạt được hiệu quả quản lý tài chính.

Về phương pháp nghiên cứu: Các nghiên cứu chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và sử dụng hệ thống số liệu thứ cấp để so sánh giữa quy định với kết quả thực hiện làm căn cứ đề xuất giải pháp và kiến nghị.

Về nội dung nghiên cứu: Hầu hết các nghiên cứu về QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH chưa thực hiện một cách tổng thể đối với các nội dung của QLNN về tài chính mà chủ yếu được thực hiện đối với một nội dung cơ bản của QLNN như các quy định pháp luật về tài chính đối với GDĐH hoặc cơ chế tự chủ tài chính, chính sách học phí, chính sách huy động, sử dụng nguồn lực..., các giải pháp được các tác giả đề xuất cũng tương đối độc lập theo từng nội dung nghiên cứu.

Về thời gian nghiên cứu: các nghiên cứu chủ yếu tập trung trong giai đoạn 2005 - 2020, đặc biệt là giai đoạn 2013 – 2020. Trong giai đoạn 2021- 2030, hội nhập quốc tế về GDDH đã có những chuyển biến theo hướng mở cửa thị trường GDDH và thực hiện cơ chế thương mại dịch vụ giáo dục theo các cam kết đã ký trong Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS), do đó cần có khuôn khổ pháp luật và những chính sách phù hợp với bối cảnh hội nhập và chiến lược phát triển GDDH tới năm 2030, đặc biệt là sự phát triển về tư tưởng pháp luật về tài chính đối với GDDH.

1.2. Mục tiêu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

1.2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu tổng quát của luận văn là xây dựng các căn cứ khoa học và thực tiễn cho những giải pháp tăng cường QLNN về tài chính đối với các cơ sở GDDH của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

1.2.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án là các nội dung và yếu tố ảnh hưởng đến QLNN về tài chính với các cơ sở GDDH trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam.

1.2.3. Phạm vi nghiên cứu

1) Phạm vi về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu các vấn đề về QLNN về tài chính đối với các cơ sở GDDH công lập trong điều kiện hội nhập quốc tế, đặc biệt là nội dung QLNN về tài chính đối với các cơ sở GDDH công lập (sau đây gọi chung là cơ sở GDDH).

2) Phạm vi về không gian nghiên cứu: Số liệu, dữ liệu phục vụ nghiên cứu được thu thập từ các cơ sở GDDH ở Việt Nam.

3) Phạm vi về thời gian: Số liệu, dữ liệu thứ cấp phục vụ nghiên cứu đề tài Luận án được thu thập trong giai đoạn 2017 – 2021, số liệu, dữ liệu sơ cấp phục vụ nghiên cứu đề tài Luận án được thu thập trong năm 2022 và giải pháp được đề xuất cho giai đoạn 2023 - 2030.

1.2.4. Câu hỏi nghiên cứu

1) Nội dung của QLNN về tài chính đối với các cơ sở GDĐH là gì? Chỉ tiêu nào được sử dụng để đánh giá kết quả QLNN về tài chính của cơ sở GDĐH trong bối cảnh hội nhập?

2) Những kết quả đạt được, những hạn chế trong QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH?

3) Những yêu cầu đối với QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH Việt Nam phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế?

4) Những giải pháp QLNN về tài chính nào cần được thực hiện để phát triển GDĐH Việt Nam phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế?

1.3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

1.3.1. Cách tiếp cận

Luận án tiếp cận khái niệm QLNN về tài chính từ góc độ quản lý nhà nước đối với nguồn lực quan trọng cho phát triển GDĐH, đó là nguồn lực tài chính. Ngoài ra, Luận án cũng tiếp cận QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH theo quan điểm hệ thống, với các nội dung liên quan đến hoạch định chiến lược tài chính cho phát triển GDĐH; xây dựng khuôn khổ pháp luật về tài chính đối với cơ sở GDĐH; huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho phát triển GDĐH; tổ chức bộ máy QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về tài chính của cơ sở GDĐH.

1.3.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng bao gồm: Phương pháp thu thập số liệu, dữ liệu thứ cấp; Phương pháp thu thập số liệu, dữ liệu sơ cấp; Phương pháp phỏng vấn sâu; Phương pháp thống kê so sánh.

Chương 2.

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ QLNN VỀ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

2.1. Cơ sở lý luận về quản lý nhà nước về tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học

2.1.1. Khái niệm cơ sở giáo dục đại học và quản lý nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học

Cơ sở GDĐH là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, hoạt động khoa học và công nghệ, phục vụ cộng đồng.

Quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở GDĐH được hiểu là sự tác động, điều chỉnh thường xuyên bằng quyền lực Nhà nước đối với toàn bộ hoạt động huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính của cơ sở GDĐH theo cơ chế QLTC của Nhà nước nhằm định hướng, đảm bảo đạt được mục tiêu phát triển giáo dục đại học trong từng thời kỳ.

2.1.2. Nội dung của quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học

(1) Xây dựng các chiến lược, kế hoạch phát triển giáo dục đại học gắn với nguồn lực tài chính

(2) Xây dựng khuôn khổ pháp luật về tài chính giáo dục đại học

(3) Huy động và sử dụng nguồn lực tài chính để phát triển GDĐH

(4) Tổ chức bộ máy QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH

(5) Thnah tra, kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính trong các cơ sở GDĐH

2.1.3. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học

(1) Mức độ đảm bảo nguồn lực tài chính cho phát triển GDĐH đáp ứng yêu cầu hội nhập

(2) Mức độ đảm bảo thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với GDĐH

(3) Mức độ đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho GDĐH

2.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học

Các nhân tố ảnh hưởng đến QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH bao gồm: (1) Hệ thống triển khai các quan điểm, chỉ đạo của Nhà nước về phát triển GDĐH; (2) Đặc điểm của cơ sở GDĐH; (3) Cơ sở vật chất và chất lượng nguồn nhân lực phục vụ QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH; (4) Nguồn ngân sách dành cho GDĐH.

2.2. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học

2.2.1. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới

Luận án phân tích kinh nghiệm QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH của một số quốc gia có điều kiện tương đồng với Việt Nam về vai trò của Nhà nước, của cơ sở GDĐH công lập trong hoạt động quản lý và hoạt động hợp tác về GDĐH với Việt Nam như: Nhật Bản, Indonesia, Trung Quốc, Mỹ

2.2.2. Bài học kinh nghiệm nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam

Một là, đa dạng hoá các nguồn tài chính đầu tư cho các cơ sở GDĐH, trong đó xác định rõ cơ cấu và vai trò cụ thể của từng nguồn tài chính.

Hai là, thực hiện phân tầng cơ sở GDĐH và đầu tư NSNN có trọng điểm.

Ba là, thực hiện trao quyền tự chủ tài chính đối với các cơ sở GDĐH theo điều kiện và lộ trình, không giao quyền tự chủ một cách đại trà không gắn với những yêu cầu của Nhà nước đối với tình hình thực tế của từng cơ sở giáo dục đại học.

Bốn là, các cơ sở GDĐH cần chủ động triệt để tận dụng cơ hội được trao quyền tự chủ trong việc huy động và bố trí nguồn lực tài chính.

Năm là, giao quyền tự chủ phải gắn với việc tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDĐH.

Sáu là, xây dựng chính sách học phí hợp lý trên cơ sở chia sẻ chi phí giữa người học và nhà đầu tư để đảm bảo đủ nguồn tài chính cho việc tái đầu tư đối với GDĐH.

Chương 3.

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

3.1. Thực trạng tài chính của các cơ sở giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam

3.1.1. Giới thiệu về các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam

Tính đến năm 2021, Việt Nam có 176 cơ sở GDĐH Bộ GD & ĐT là cơ quan quản lý cao nhất của Nhà nước về giáo dục, hiện đang quản lý 81 cơ sở GDĐH, chiếm 46,02% tổng số cơ sở GDĐH. Số cơ sở còn lại còn lại trực thuộc các bộ ngành, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, trong đó Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý 13 cơ sở GDĐH, đứng thứ 2 sau Bộ GD & ĐT, Bộ Y tế quản lý 11 cơ sở GDĐH, đứng thứ 3 trong cả nước.

3.1.2. Thực trạng hội nhập quốc tế của giáo dục đại học Việt Nam

Việt Nam đã có hơn 70 thỏa thuận quốc tế và 23 điều ước quốc tế được ký kết, Bộ Giáo dục và đào tạo và các cơ sở GDĐH đã phê duyệt, ký kết trên 530 chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, với khoảng 85.000 người đã theo học, trong đó hơn 45.000 người đã hoàn thành chương trình và được cấp bằng. Số công bố quốc tế không ngừng tăng lên và chất lượng chương trình đào tạo, cơ sở đào tạo cũng ngày càng được cải thiện

3.1.3. Thực trạng tài chính của các cơ sở GDĐH của Việt Nam

Tổng thu của cơ sở GDĐH trong năm 2016 là 73,996.47 tỷ đồng, tăng lên tới 87.682,00 tỷ đồng trong năm 2018 và 2021 là 111.475,66 tỷ đồng, gấp 1,5 lần so với năm 2016.

Mức chi cho con người chiếm tỷ trọng 53% trong tổng chi sự nghiệp giáo dục đào tạo của cơ sở GDĐH; chi đầu tư cơ sở vật chất chiếm tỷ trọng 7%; chi chế độ cho học sinh, sinh viên chiếm tỷ trọng 4%, chi trích lập các quỹ chiếm tỷ trọng 10%; chi đào tạo khác chiếm tỷ trọng 26% tổng chi sự nghiệp giáo dục đào tạo của cơ sở GDĐH.

3.2. Thực trạng kết quả quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học

3.2.1. Mức độ đảm bảo nguồn lực tài chính cho phát triển GDDH đáp ứng yêu cầu hội nhập

** Về mức tăng nguồn thu của các cơ sở GDDH:*

Mức độ gia tăng về nguồn lực tài chính của các cơ sở GDDH có xu hướng tăng dần theo thời gian, cho thấy khả năng đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho phát triển GDDH và đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế của các cơ sở GDDH ngày càng tăng lên.

** Về mức độ đáp ứng của cơ sở GDDH về nhu cầu tài chính cho phát triển GDDH và hội nhập quốc tế*

Mức độ đáp ứng của cơ sở GDDH về nhu cầu tài chính cho phát triển GDDH và hội nhập quốc tế được đánh giá thông qua kết quả khảo sát cho thấy: nguồn thu của cơ sở GDDH chưa đáp ứng tốt yêu cầu về tài chính phục vụ phát triển và hội nhập quốc tế, với mức độ đánh giá là 3,25/5 điểm.

3.2.2. Mức độ đảm bảo thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với GDDH

** Về mức độ tăng về quyền tự chủ và tính trách nhiệm cho các cơ sở GDDH*

Tính đến hết năm 2021, số cơ sở GDDH đã tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư chiếm 32,76% tổng số cơ sở GDDH; số cơ sở GDDH đã tự bảo đảm chi thường xuyên chiếm 13,79%; số cơ sở GDDH đã tự bảo đảm chi thường xuyên đảm bảo một phần chi thường xuyên chiếm 50%, trong đó có 7,33% số cơ sở GDDH có kế hoạch sẽ tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 9,05% số cơ sở GDDH có kế hoạch sẽ tự bảo đảm chi thường xuyên. Số cơ sở GDDH đang được ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và chưa có kế hoạch khác chiếm tỷ trọng là 3,45%.

** Về tỷ lệ NSNN trong nguồn thu của cơ sở GDDH*

Nguồn thu bình quân từ NSNN của các cơ sở GDDH tự chủ có xu hướng giảm theo thời gian, tính trung bình từ 18,86 tỷ đồng ở năm 2016 còn 18,1 tỷ đồng ở năm 2021. Nguồn thu bình quân từ NSNN của các cơ sở GDDH chưa tự chủ lại

có xu hướng tăng theo thời gian, từ 56,36 tỷ đồng trong năm 2016 lên tới 63,15 tỷ đồng trong năm 2021.

** Về mức độ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế*

Trong giai đoạn 2016 - 2021, Việt Nam đã có 408 chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài đang hoạt động, với 124 chương trình ở trình độ đại học, 58 chương trình ở trình độ thạc sĩ và 04 chương trình ở trình độ tiến sĩ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022).

3.2.3. Mức độ đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính cho GDĐH

** Về mức độ tăng về số lượng công bố quốc tế*

Trong thời gian vừa qua các cơ sở GDĐH đã thực hiện tăng cường đầu tư NCKH và công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín với số lượng công bố tăng mạnh ở cả nhóm ngành khoa học xã hội và khoa học tự nhiên.

** Về mức độ tăng về số lượng giảng viên chất lượng cao*

Trong giai đoạn 2018 – 2021, các cơ sở GDĐH đã đẩy mạnh phát triển đội ngũ có trình độ, chuyên môn cao, đặc biệt ưu tiên tuyển dụng giảng viên có trình độ tiến sĩ, đào tạo bồi dưỡng giảng viên theo học các chương trình tại các cơ sở GDĐH uy tín trên thế giới.

** Về mức độ tăng về mức thu nhập của giảng viên*

Trong giai đoạn 2018 – 2021, thu nhập bình quân của giảng viên và cán bộ quản lý của các cơ sở GDĐH có xu hướng gia tăng mạnh mẽ, thu nhập bình quân của giảng viên tăng 20,8% và thu nhập bình quân của cán bộ quản lý tăng 18,7%.

** Về mức độ tăng về số lượng chương trình đào tạo chất lượng cao*

Trong giai đoạn 2018 – 2022, đã có 778 chương trình đào tạo được đánh giá và công nhận chất lượng, trong đó 470 chương trình được công nhận theo tiêu chuẩn trong nước và 308 chương trình được công nhận theo tiêu chuẩn nước ngoài. Việt Nam có 07 cơ sở GDĐH được đánh giá và được công nhận theo tiêu chuẩn đánh giá cơ sở GDĐH của Hội đồng cấp cao về đánh giá nghiên cứu và GDĐH Pháp (HCERES) và ASEAN University Network - Quality Assurance (AUN-QA), đồng thời, có 232 chương trình đào tạo được đánh giá và công nhận bởi tổ chức kiểm định nước ngoài

3.3. Thực trạng hoạt động quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học

3.3.1. Thực trạng xây dựng chiến lược phát triển giáo dục đại học gắn với nguồn lực tài chính

Các giải pháp chiến lược đảm bảo tính kế thừa, tính hiện thực và khả thi, góp phần thực hiện mục tiêu và chủ trương của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học.

Kết quả đánh giá về tính hiệu quả của chiến lược về tài chính của Việt Nam qua phiếu khảo sát cho thấy: Tiêu chí Chiến lược tài chính cho phát triển GDĐH là phù hợp với yêu cầu hội nhập được đánh giá cao nhất với mức điểm 4,07/5 điểm. Mục tiêu chiến lược và các giải pháp chiến lược nói chung và giải pháp về tài chính nói riêng đều thể hiện tư tưởng tăng cường đầu tư cho GDĐH và tinh thần hội nhập.

3.3.2. Xây dựng khuôn khổ pháp luật về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài chính đối với cơ sở GDĐH đầy đủ về số lượng, tuy nhiên, vẫn còn tình trạng thiếu nhất quán, đồng bộ trong các quy định, đặc biệt là quy định về nguồn thu tài chính. Việc quy định phân bổ NSNN cho các cơ sở GDĐH công lập thông qua cơ quan chủ quản khác nhau dẫn đến còn có sự chưa thống nhất về tiêu chí phân bổ, chưa thực sự công bằng trong việc thụ hưởng NSNN. Quy định về mức thu học phí thấp và hạn chế trong việc huy động từ các nguồn thu khác nên các cơ sở GDĐH không có đủ nguồn để cải thiện thu nhập cho giảng viên. Việc quy định khống chế thu nhập tăng thêm đối với các cơ sở GDĐH không khuyến khích các đơn vị tăng thu, tiết kiệm chi và giảm động lực của cơ sở GDĐH trong việc huy động các nguồn thu sự nghiệp, các nguồn thu ngoài NSNN khác. Chính sách chi chưa tạo ra cơ cấu cân đối giữa chi thường xuyên và chi cho đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị.

Từ kết quả khảo sát cho thấy: Mức độ đánh giá theo kết quả khảo sát về tiêu chí mức độ đầy đủ của quy định pháp luật tài chính cho phát triển GDĐH là 4,23/5 điểm. Tiêu chí tính khả thi của các quy định pháp luật tài chính trong GDĐH cũng được đánh giá cao, với mức điểm là 4,17/5 điểm cho thấy, các quy định này đã được đưa ra phù hợp với đặc điểm và điều kiện hoạt động của các cơ sở GDĐH ở nước ta. Tiêu chí tính dễ hiểu, cụ thể và mức độ đáp ứng yêu cầu hội nhập của các quy định pháp luật được đánh giá thấp nhất với mức điểm là 3,86/5 và 3,65/5 điểm.

3.3.3. Thực trạng huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho phát triển GDĐH

Về nguồn thu từ ngân sách nhà nước

Bảng 3.7. Nguồn ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học trong giai đoạn 2016 – 2021

Nội dung	2016	2018	2021
Tổng chi cân đối NSNN, tỷ đồng	1.325.840	1.523.200	1.729.682
Tổng chi NSNN cho GDĐH, tỷ đồng	15.459	15.634	16.030
Tổng chi đầu tư phát triển cho GDĐH, tỷ đồng	4.276	4.786	7.338
Tổng chi NSNN sự nghiệp cho GDĐH, tỷ đồng	11.184	10.848	9.365
Tỷ lệ chi NS cho GDĐH/ Tổng chi NSNN, %	1,17	1,03	0,93
Tỷ lệ chi NS cho GDĐH/Tổng chi NSNN cho GD&ĐT, %	5,87	4,96	4,44
Tỷ lệ chi cho GDĐH trong GDP, %	0,24	0,25	0,27
Tốc độ tăng tổng chi NSNN cho GD&ĐT, %	100	119,69	114,65
Tốc độ tăng tổng chi NSNN cho GDĐH, %	100	101,13	102,54

Nguồn: Bộ GD & ĐT (2022)

Nguồn NSNN chi cho giáo dục và đào tạo nói chung có xu hướng tăng theo thời gian với tốc độ tăng tương đối cao, đạt 119,69% ở năm 2018 và 114,65% ở năm 2021. Tỷ trọng chi nguồn NSNN cho GD&ĐT có xu hướng tăng lên trong năm 2021 so với năm 2016, từ 19,85% lên tới 20,67%. Tỷ trọng chi nguồn NSNN cho GDĐH chiếm 0,25 – 0,27% trong GDP cho thấy về nguồn chi NSNN cho GD&ĐT nói chung và GDĐH nói riêng tương đối ổn định về tỷ trọng so với nguồn NSNN và GDP.

Về nguồn thu từ học phí

Nguồn thu từ học phí của các cơ sở GDĐH có xu hướng tăng mạnh cả về tỷ trọng và mức độ trong năm 2021 so với 2016. Năm 2021, nguồn học phí tăng gấp 2,21 lần so với năm 2016.

Về nguồn thu từ liên kết khoa học và nguồn thu khác

Nguồn thu từ liên kết khoa học và nguồn thu khác của các cơ sở GDĐH chiếm tỷ trọng nhỏ và có xu hướng giảm cả về tỷ trọng và số lượng trong giai đoạn 2016 – 2021.

Về tính hình sử dụng nguồn lực tài chính

Mức chi NSNN cho GDĐH có xu hướng tăng lên về số lượng nhưng lại giảm đi về tỷ trọng, tuy nhiên, so với GDP, tỷ trọng NSNN chi cho GDĐH tương đối ổn định, chiếm từ 0,24 - 0,27%.

Bảng 3.8. Chi ngân sách Nhà nước và người dân cho GDĐH

Nội dung	2016	2018	2021
Tổng chi xã hội cho GDĐH, tỷ đồng	73.996	87.682	111.476
NSNN chi cho GDĐH, tỷ đồng	15.459	15.634	16.030
Chi cho GDĐH của người dân, tỷ đồng	58,54	72,05	95,45
Tỷ lệ chi NSNN cho GDĐH/tổng chi xã hội cho GDĐH, %	20,89	17,83	14,38
Tỷ lệ chi của người dân cho GDĐH/tổng chi xã hội cho GDĐH, %	79,11	82,17	85,62
Tỷ lệ chi NSNN cho GDĐH/GDP, %	0,24	0,25	0,27
Tỷ lệ chi của người dân cho GDĐH/GDP, %	0,91	1,02	1,81

Nguồn: Bộ Giáo dục & Đào tạo

Mức chi cho GDĐH của người dân có xu hướng tăng mạnh về số lượng và tỷ trọng, đặc biệt là trong năm 2021, mức chi của người dân cho GDĐH tăng 63% so với năm 2016, chiếm tỷ lệ 85,62% so với tổng chi xã hội cho GDĐH và với tỷ lệ 1,81% so với GDP.

Đánh giá chung về thực trạng huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục đại học

Thứ nhất, tỷ trọng các nguồn thu từ học phí, lệ phí và các hoạt động dịch vụ, lao động - sản xuất tăng lên, còn nguồn tài trợ từ NSNN giảm xuống.

Thứ hai, quy định phân bổ NSNN cho các cơ sở GDĐH chưa đảm bảo mục tiêu khuyến khích phát triển GDĐH và tăng cường cạnh tranh giữa các cơ sở GDĐH. Chính sách phân bổ NSNN được đánh giá qua 5 tiêu chí, các tiêu chí được đánh giá ở mức độ từ 3,05 – 3,56/5 điểm các ý kiến cho rằng mức độ hợp lý, khả năng tạo thuận lợi cho cơ sở GDĐH của chính sách phân bổ NSNN chưa cao.

Thứ ba, chính sách học phí chưa đảm bảo tính chủ động và hiệu quả trong việc khai thác nguồn lực tài chính cho GDĐH. Việc quy định mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo còn tương đối thấp, chưa thể hiện đầy đủ thông tin về chi phí đào tạo và chưa khẳng định vai trò của người học trong việc tham gia chi trả các chi phí liên quan đến đào tạo.

3.3.4. Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học

Hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước về tài chính đối với cơ sở giáo dục chưa được đánh giá cao. Hai tiêu chí: mức độ rõ ràng trong phân công, phân cấp quản lý và chất lượng nguồn nhân lực trong bộ máy QLNN về tài chính được đánh giá tương đối thấp.

3.3.5. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của cơ sở giáo dục đại học

Chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của cơ sở giáo dục đại học được đánh giá cao. Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát về tài chính được thực hiện thường xuyên từ khâu lập, phân bổ

và chấp hành dự toán, qua đó kịp thời chấn chỉnh những sai phạm trong quá trình điều hành các khoản thu, chi tài chính, đảm bảo việc sử dụng nguồn tài chính đúng mục đích, đối tượng.

3.4. Một số nhận xét rút ra từ phân tích thực trạng quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam

3.4.1. Những kết quả đạt được

* Về xây dựng chiến lược và khuôn khổ pháp lý: Các quy định pháp luật về mức thu – chi, phân phối quỹ tài chính trong cơ sở GDĐH đảm bảo thúc đẩy tự chủ tài chính của cơ sở GDĐH, tạo điều kiện cho các cơ sở GDĐH chủ động huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính

* Về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính: Việc huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho GDĐH đã khẳng định tính hợp lý và hiệu quả, góp phần, đảm bảo hiệu quả quản lý tài chính, thúc đẩy cơ sở GDĐH phát triển.

* Về bộ máy quản lý nhà nước về tài chính đối với cơ sở GDĐH: Bộ máy quản lý nhà nước về tài chính đối với cơ sở GDĐH được đánh giá là hợp lý, mang tính chuyên môn hóa cao, đảm bảo đáp ứng tốt những yêu cầu quản lý về chuyên môn theo ngành, theo địa phương, vùng lãnh thổ...

* Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về tài chính: Công tác này đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận về tính kịp thời và hiệu quả.

3.4.2. Những bất cập, hạn chế

* Về kết quả quản lý nhà nước về tài chính đối với cơ sở GDĐH: Những nghiên cứu của các cơ sở GDĐH vẫn nhỏ, lẻ, tản mạn, chưa có đóng góp nổi bật tạo bước chuyển biến thật sự đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa các viện nghiên cứu với các cơ sở GDĐH trong việc đào tạo nguồn nhân lực và sử dụng kết quả nghiên cứu cho đào tạo.

* Về xây dựng chiến lược và khuôn khổ pháp lý phục vụ quản lý: Chưa có lộ trình đầu tư trọng điểm để phát triển cơ sở GDĐH đạt chuẩn quốc

tế; một số quy định của pháp luật về tài chính đối với cơ sở GDĐH chưa thực sự hiệu quả, làm phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện dẫn đến văn bản luật chưa đi vào cuộc sống, làm hạn chế việc sử dụng vốn, tài sản vào các hoạt động liên doanh, liên kết phục vụ nhiệm vụ đào tạo.

* Về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính: Cơ cấu nguồn thu chưa thực sự dạng, tạo sự chủ động cho cơ sở GDĐH trong việc huy động nguồn lực tài chính; Chưa thu hút được nguồn lực tài chính từ các tổ chức, doanh nghiệp cho hoạt động GDĐH.

* Về cơ cấu tổ chức, bộ máy: Các quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan QLNN chưa thực sự hợp lý và rõ ràng; Bộ máy QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH còn phân tán, còn có sự chông chéo giữa chức năng QLNN và chức năng cung ứng dịch vụ công; Tư duy quản lý GDĐH còn chậm được đổi mới theo hướng quản lý chất lượng, hội nhập quốc tế.

* Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát: Việc xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động tài chính chưa được thực hiện hiệu quả; Hoạt động thanh, kiểm tra có sự tham gia của nhiều tổ chức nhưng chưa đảm bảo sự phối hợp mục tiêu kiểm soát làm ảnh hưởng đến công tác tài chính của cơ sở GDĐH.

3.4.3. Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế

Thứ nhất, hệ thống triển khai các quan điểm, chỉ đạo của Nhà nước về phát triển GDĐH chưa đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả;

Thứ hai, nguồn lực cho việc hoạch định và triển khai chiến lược phát triển GDĐH chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn;

Thứ ba, cơ sở vật chất và chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng tốt yêu cầu của cuộc cách mạng 4.0 và hội nhập quốc tế;

Thứ tư, nguồn ngân sách dành cho GDĐH còn hạn hẹp, chưa thúc đẩy phát triển cơ sở vật chất và nguồn nhân lực cho phát triển GDĐH;

Thứ năm, đa số các cơ sở GDĐH chưa xác định chiến lược phát triển dài hạn, xác định mục tiêu quản lý tài chính chưa rõ ràng.

Chương 4.

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

4.1. Bối cảnh và phương hướng tăng cường quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam

4.1.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước có liên quan đến quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở GDĐH

Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang diễn ra rất mạnh mẽ và cuộc cách mạng khoa học và công nghệ lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, đặc biệt là sự phát triển về trí tuệ nhân tạo (AI) đòi hỏi các cơ sở GDĐH phải phát triển để cạnh tranh, tồn tại và phát triển.

4.1.2. Các yêu cầu của hội nhập quốc tế có liên quan đến quản lý nhà nước về tài chính của các cơ sở giáo dục đại học

Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý nhằm tạo điều kiện cho cơ sở giáo dục chủ động và năng động trong hoạt động tài chính và nâng cao chất lượng giáo dục.

Thứ hai, đa dạng hóa nguồn thu tài chính phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Thứ ba, tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở GDĐH để hướng tới nâng cao chất lượng GDĐH Việt Nam.

Thứ tư, trao quyền cho các cơ sở GDĐH được tự quyết định và chủ động về khai thác, tìm kiếm các nguồn tài chính; tự cân đối thu chi một cách độc lập, minh bạch.

4.1.3. Cơ hội và thách thức đối với hoạt động quản lý Nhà nước về tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học

Hội nhập là cơ hội để GDĐH Việt Nam tiếp cận với nền giáo dục hiện đại của thế giới, học hỏi được những kinh nghiệm, mở ra cho Việt Nam

cơ hội để hợp tác liên doanh với nước ngoài, tăng cường thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho phát triển GDĐH...

Tuy nhiên, hội nhập cũng đòi hỏi các cơ sở GDĐH Việt nam đối mặt với cạnh tranh ngày càng gay gắt, yêu cầu về nguồn lực tài chính và chất lượng nguồn nhân lực để phát triển...

4.1.4. Phương hướng tăng cường quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học đến năm 2030

Quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học phải gắn với chiến lược phát triển GDĐH, phải đảm bảo tính khoa học về nội dung, quy trình quản lý, phải gắn với hoàn thiện cơ chế quản lý thu và sử dụng học phí gắn với mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở GDĐH

4.2. Giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam

4.2.1. Nhóm giải pháp về chiến lược và xây dựng khuôn khổ pháp luật về tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học

Một là, xây dựng và thực hiện giải pháp mang tính chiến lược nhằm thúc đẩy các cơ sở GDĐH có tiềm năng phát triển, tiến tới đạt chuẩn quốc tế.

Hai là, đồng bộ hóa và minh bạch hóa hệ thống quy phạm pháp luật về tài chính trong cơ sở giáo dục đại học.

Ba là, bổ sung các quy định và hướng dẫn cụ thể về huy động các nguồn lực từ hoạt động đầu tư, cho biểu, tặng của các tổ chức, cá nhân vào cơ sở GDĐH.

Bốn là, bổ sung quy định cụ thể về vay và sử dụng hiệu quả nguồn tiền vay từ các tổ chức tín dụng, huy động vốn của viên chức, người lao động trong đơn vị để đầu tư mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động sự nghiệp.

Năm là, hoàn thiện các văn bản pháp luật theo hướng tăng cường phân cấp và thực hiện trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm hơn nữa cho các cơ sở GDĐH.

Sáu là, hoàn thiện các quy định về bộ máy quản trị tài chính của cơ sở GDĐH. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần chủ trì và phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành liên quan xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

4.2.2. Nhóm giải pháp về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho giáo dục đại học

Một là, xác định lại căn cứ phân bổ cho chi thường xuyên của các cơ sở GDĐH, tạo điều kiện cạnh tranh cân bằng giữa các cơ sở GDĐH.

Hai là, tăng cường mở rộng nguồn lực tài chính từ hoạt động NCKH và nguồn đầu tư từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Ba là, thay đổi cơ cấu chi cho GDĐH theo hướng ưu tiên đầu tư phát triển nguồn nhân lực GDĐH và đầu tư NCKH tại các cơ sở GDĐH.

Bốn là, xây dựng cơ chế gắn GDĐH với nghiên cứu khoa học và thị trường lao động.

4.2.3. Nhóm giải pháp về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học

Một là, hoàn thiện các quy định về phân công, phân cấp quản lý trong bộ máy quản lý nhà nước đối với cơ sở GDĐH.

Hai là, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học

4.2.4. Nhóm giải pháp về thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của các cơ sở giáo dục đại học

Một là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát

Hai là, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát

NHỮNG HẠN CHẾ CỦA LUẬN ÁN VÀ KIẾN NGHỊ HƯỚNG NGHIÊN CỨU TIẾP THEO

Những hạn chế của luận án

Nội dung luận án mới đánh giá mới dựa trên phương pháp thông kê so sánh là chủ yếu; chưa sử dụng được mô hình định lượng để đánh giá được các nội dung của quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học.

Kiến nghị hướng nghiên cứu tiếp theo

+ Nhận diện mức độ quan trọng của từng nội dung của QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH, đề xuất được những giải pháp tăng cường QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH.

+ Nghiên cứu định lượng tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến QLNN về tài chính đối với các cơ sở GDĐH;

+ Nghiên cứu định lượng tác động của cơ chế tự chủ tài chính tới khả năng đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của GDĐH Việt Nam.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đề tài Luận án “Quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam” được hoàn thành nhằm đề xuất những căn cứ khoa học cho các giải pháp hoàn thiện QLNN về tài chính đối với các cơ sở GDĐH trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam, từ đó góp phần thúc đẩy phát triển GDĐH đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho GDĐH.

Từ kết quả phân tích thực trạng và kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH, Luận án đề xuất một số giải pháp tăng cường QLNN về tài chính đối với các cơ sở GDĐH trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam trong thời gian tới. Các giải pháp được đề xuất bao gồm: (1) hoàn thiện chến lược và khuôn khổ pháp luật về tài chính cho phát triển GDĐH; (2) Nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng

nguồn lực tài chính cho phát triển GDĐH; (3) Hoàn thiện bộ máy QLNN về tài chính GDĐH; (4) tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của cơ sở GDĐH. Các giải pháp được đề xuất trên cơ sở khung lý thuyết đã được xây dựng, từ các số liệu phản ánh thực trạng QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH trong thời gian vừa qua, vì vậy, đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và khả thi.

2. Những hạn chế của luận án

Luận án mới đánh giá mới dựa trên phương pháp thông kê so sánh là chủ yếu; chưa sử dụng được mô hình định lượng để đánh giá được các nội dung của QLNN về tài chính đối với các cơ sở GDĐH.

3. Kiến nghị hướng nghiên cứu tiếp theo

+ Nhận diện mức độ quan trọng của từng nội dung của QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH, đề xuất được những giải pháp tăng cường QLNN về tài chính đối với cơ sở GDĐH.

+ Nghiên cứu định lượng tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến QLNN về tài chính đối với các cơ sở GDĐH;

+ Nghiên cứu định lượng tác động của cơ chế tự chủ tài chính tới khả năng đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của GDĐH Việt Nam.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Hoàng Lan Phương (2020), “*Kinh nghiệm Quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học của một số nước trên thế giới trong điều kiện hội nhập quốc tế và bài học cho Việt Nam*”, Tạp chí Công thương, (Số 17 tháng 7/2020) (Trang 338).
2. Hoàng Lan Phương (2020), “*Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế*”, Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái bình dương, (Số 569 tháng 7/2020) (Trang 89).
3. Hoàng Lan Phương (2020), “*Quan niệm và đặc trưng quản lý nhà nước về tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế*”, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái bình dương, (Số 569 tháng 7/2020) (Trang 103).
4. Hoàng Lan Phương, Nguyễn Thị Hồng Loan (2023), “*Tăng cường huy động nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục đại học công lập Việt Nam*”, Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán, (Số 251 kỳ 1, tháng 11/2023) (trang 16).
5. Hoàng Lan Phương, Nguyễn Thị Hồng Loan (2023), “*Thúc đẩy tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học công lập Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*”, Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán, (Số 253 kỳ 1, tháng 12/2023) (trang 13).